

Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực chứng khoán: Kinh nghiệm của Trung Quốc và hàm ý cho Việt Nam

PGS.TS. TRẦN MINH TUẤN*

Th.S. BÙI KIM THANH**

Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã có quá trình chỉnh sửa bổ sung luật pháp phù hợp với nội dung và lộ trình cam kết, trong đó đáng lưu ý là các điều chỉnh liên quan đến mức độ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán (TTCK). Đây chính là những bài học quan trọng cho thị trường chứng khoán Việt Nam trong hội nhập.

Từ khóa: Hội nhập quốc tế, chứng khoán, Trung Quốc, Việt Nam

1. Thị trường chứng khoán Trung Quốc và quá trình hội nhập

Giống như ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác, nền kinh tế Trung Quốc đã từng trải qua cơ chế kế hoạch hoá tập trung cao độ. Năm 1978, Nhà nước Trung Quốc bắt đầu một chương trình cải tổ toàn diện nền kinh tế, nhằm vào ba mục tiêu chính: Xoá bỏ cơ chế kế hoạch hoá tập trung; Tăng cường vai trò của thị trường trong việc tạo động lực kinh tế và phân bổ nguồn lực; Mở cửa nền kinh tế, chấp nhận cạnh tranh thông qua hoạt động thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Năm 1981, Chính phủ Trung Quốc bắt đầu phát hành trái phiếu kho bạc để bù đắp thâm hụt ngân sách. Kể từ đó, chính quyền địa phương các cấp, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp cũng bắt đầu phát hành trái phiếu. Năm 1986, chi nhánh ở Thượng Hải của Ngân hàng Nhân

dân Trung Quốc (ngân hàng trung ương) thành lập thị trường giao dịch qua quầy OTC đầu tiên tại Thượng Hải; năm 1987, giao dịch chứng khoán đầu tiên tại Thẩm Quyển cũng được Ngân hàng Phát triển Thẩm Quyển thực hiện. Đến cuối năm 1989, hàng nghìn công ty cổ phần được thành lập với số cổ phiếu phát hành trị giá 3,8 tỷ nhân dân tệ (700 triệu USD). Tuy nhiên, 70 - 80% số cổ phiếu đó là được chuyển đổi từ tài sản cố định có sẵn tại các doanh nghiệp nhà nước, chỉ một tỷ lệ nhỏ là nguồn vốn mới được huy động từ phát hành cổ phiếu. Hầu hết các cổ phiếu phát hành được dành cho những doanh nghiệp có liên quan hoặc người lao động của công ty, chưa đến 2% là dành cho công chúng đầu tư. Tháng 12/1990 và tháng 7/1991, hai sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) là Thượng Hải (SHSE) và Thẩm Quyển (SZSE) lần lượt được thành lập. Sự kiện này đánh dấu sự hoàn chỉnh của thị trường vốn Trung Quốc.

*Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

**Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Ngay từ khi thị trường chứng khoán Trung Quốc đi vào hoạt động, Quốc Vụ viện Trung Quốc đã thực hiện ngay các hoạt động quản lý đối với lĩnh vực chứng khoán và TTCK. Ban đầu, một số bộ và ủy ban thuộc Quốc Vụ viện như Ủy ban Cải cách nhà nước, Ủy ban Kế hoạch hóa nhà nước, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBC) được giao trách nhiệm quản lý, giám sát hoạt động của TTCK. Đến tháng 10/1992, Quốc Vụ viện Trung Quốc quyết định thành lập Ủy ban Chính sách chứng khoán Quốc Vụ viện (SCSPC) để toàn quyền quản lý TTCK và đồng thời, thành lập Ủy ban Giám quản chứng khoán Trung Quốc (CSRC) để giúp SCSPC giám sát các hoạt động chứng khoán và TTCK¹. Tuy nhiên, đến năm 1998, thực hiện kế hoạch cải cách của Quốc Vụ viện, SCSPC và CSRC được hợp nhất, một hệ thống giám sát, quản lý tập trung TTCK được thành lập². Theo đó, CSRC trở thành cơ quan tối cao trong lĩnh vực chứng khoán, với các chức năng ban hành luật, quản lý, giám sát, điều hành, điều tra và thi hành các quy định về xử phạt.

Để kiểm soát và hạn chế rủi ro có thể nảy sinh từ đầu tư nước ngoài, chứng khoán phát hành bởi các công ty Trung Quốc giao dịch trên SGDCK Thượng Hải và Thẩm Quyển được chia thành chứng khoán loại A và chứng khoán loại B. Trong đó, chứng khoán loại A dành riêng cho người Trung Quốc, chủ yếu giao dịch bằng đồng nhân dân tệ; chứng khoán loại B được định giá bằng đồng nhân dân tệ nhưng được giao dịch, mua bán bằng ngoại tệ và chỉ có người nước ngoài mới được phép giao dịch³. Ngoài ra, còn có chứng

khoán H, phát hành bởi các công ty Trung Quốc và giao dịch trên SGDCK Hồng Kông, chứng khoán N trên SGDCK New York, chứng khoán S trên SGDCK Singapore, chứng khoán L trên SGDCK London⁴. Kể từ tháng 2/2001, thị trường chứng khoán loại B được mở cửa cho nhà đầu tư trong nước và kể từ tháng 12/2002, các nhà đầu tư nước ngoài được phép tiếp cận thị trường chứng khoán loại A với tư cách Các nhà đầu tư tổ chức nước ngoài được phép (Qualified Foreign Institutional Investors – QFII)⁵.

Để trở thành QFII, một công ty quản lý quỹ nước ngoài phải có ít nhất 5 năm kinh nghiệm và quản lý ít nhất 10 tỷ USD trong năm tài khóa gần nhất. Hạn ngạch đầu tư cho mỗi QFII là từ 50 triệu USD đến 800 triệu USD⁶. QFII phải mở một tài khoản đồng nhân dân tệ tại một ngân hàng lưu ký và hồi hương vốn vào tài khoản đó. Các hàng hóa mà QFII được phép giao dịch hiện nay bao gồm cổ phiếu loại A, trái phiếu, tín phiếu, chứng khoán phát hành qua thị trường IPO và phát hành bổ sung. Tỷ lệ nắm giữ của một QFII không được vượt quá 10% cổ phiếu đang giao dịch của tổ chức phát hành và tỷ lệ nắm giữ của tất cả QFII trong một công ty không được vượt quá 20%.

Khác với lĩnh vực bảo hiểm, đến nay trong lĩnh vực dịch vụ chứng khoán, các nhà đầu tư nước ngoài vẫn bị hạn chế về tỷ lệ vốn sở hữu, do đó không có công ty 100% vốn nước ngoài được thành lập. Theo lộ trình cam kết, các công ty nước ngoài được phép tham gia vào thị trường chứng khoán dưới hình thức hợp tác liên doanh hay thuê tóm cổ phần với tỷ lệ vốn góp tối đa là 49%. Điều này đã phần nào hạn chế việc tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trong

¹ Legal development in China: securities market during three decades of reform and opening-up, Chen Daisong, East China university of political science and law, Tài liệu tham dự chương trình ASLI (ASLI Visiting Fellow) của Viện Luật châu Á, trực thuộc Đại học quốc gia Singapore từ 2/2-2/3/2009, xuất bản tháng 8/2009, tr6.

² Legal development in China: securities market during three decades of reform and opening-up, Chen Daisong, East China university of political science and law, Tài liệu tham dự chương trình ASLI (ASLI Visiting Fellow) của Viện Luật châu Á, trực thuộc Đại học quốc gia Singapore từ 2/2-2/3/2009, xuất bản tháng 8/2009, tr7.

³ Quá trình hình thành và quản lý thị trường chứng khoán ở một số nước và bài học kinh nghiệm đối với Việt

Nam, Luận án tiến sĩ kinh tế, Nguyễn Hải Thập, Đại học Ngoại thương, 2005, tr90.

⁴ <http://www.ftseangle.com/research-summary/ftse-insight-chinas-complex-share-classes-explained/>

⁵ Qualified Foreign Institutional Investors (QFII) brochure, Special edition, pricewaterhousecoopers, tháng 8/ 2012, preface.

⁶ Qualified Foreign Institutional Investors (QFII) brochure, Special edition, pricewaterhousecoopers, tháng 8/ 2012, tr7.

cung cấp các dịch vụ trên thị trường chứng khoán, cũng như hạn chế khả năng tăng mức vốn hóa của thị trường. Từ năm 2002, Trung Quốc đã có những bước đi thận trọng nhằm tăng mức trần hạn ngạch đầu tư gián tiếp của các công ty nước ngoài vào các công ty niêm yết, trong đó có các công ty cung cấp dịch vụ quản lý quỹ và dịch vụ chứng khoán thông qua hình thức QFII. Năm 2012, Trung Quốc đã nâng mức hạn ngạch QFII lên 80 tỷ USD so với mức đầu tiên và hạn ngạch R-QFII lên 200 tỷ nhân dân tệ.

Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã có quá trình chỉnh sửa, bổ sung, sửa đổi luật pháp phù hợp với nội dung và lộ trình cam kết. Việc hệ thống hóa theo trình tự các mốc thời gian sẽ giúp đánh giá được chi tiết mức độ thay đổi khung pháp lý chung liên quan đến thị trường chứng khoán và những thay đổi liên quan trực tiếp đến lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài. Trong đó quan trọng nhất là các văn bản pháp lý khung liên quan đến mức độ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trong cung cấp các dịch vụ. Đến năm 2013, các mức giới hạn khung đối với nhà đầu tư nước ngoài không thay đổi về tỷ lệ góp vốn trong các liên doanh. Điều này cho

thấy, mặc dù mở cửa thị trường mạnh mẽ, cho phép các nhà đầu tư nước ngoài được đầu tư vào thị trường chứng khoán trong nước, song Trung Quốc vẫn có những quy định khá chặt chẽ về mức độ cung cấp dịch vụ đối với các nhà đầu tư nước ngoài tại thị trường này. Cụ thể, tính đến năm 2013, theo lộ trình cam kết, tỷ lệ sở hữu vốn của các công ty nước ngoài trong liên doanh vẫn ở mức cao nhất là 49% đối với công ty cung cấp dịch vụ quản lý quỹ và 33,3% đối với công ty cung cấp dịch vụ chứng khoán; tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong các công ty cung cấp các dịch vụ quỹ và chứng khoán không phải là liên doanh thì theo quy định chung của cơ chế QFII (không quá 25%).

Như vậy, tuy các nhà đầu tư nước ngoài vẫn còn gặp những hạn chế nhất định trên TTCK Trung Quốc, nhưng những điều chỉnh gần đây của Chính phủ Trung Quốc đã tạo động thái tích cực làm cho hàng hóa trên TTCK Trung Quốc được đa dạng và phong phú hơn, cạnh tranh công bằng hơn, thể hiện quyết tâm xây dựng từng bước TTCK mở nhưng an toàn và hiệu quả, góp phần đưa TTCK Trung Quốc hội nhập sâu rộng, toàn diện hơn vào TTCK thế giới.

Bảng 1: Các biện pháp quản lý dòng vốn gián tiếp của Trung Quốc

Năm	Biện pháp thực hiện
2001	Các công ty trong nước niêm yết trên sàn nước ngoài.
2002	Cơ chế QFII (các công ty nước ngoài được phép đầu tư vào Trung Quốc).
2004	Chấp thuận cơ chế công ty trong nước cung cấp tín dụng ra nước ngoài.
2005	Nhà đầu tư nước ngoài phát hành trái phiếu bằng đồng RMB tại Trung Quốc (Panda bonds).
2006	Cơ chế QDII (cho phép nhà đầu tư trong nước đầu tư ra nước ngoài dưới hình thức đầu tư gián tiếp – portfolio investment).
2007	Tăng hạn ngạch đầu tư theo cơ chế QDII.
2010	Cho phép ngân hàng trung ương/ngân hàng nước ngoài đầu tư vào thị trường trái phiếu Trung Quốc.
2011	Ban hành cơ chế R-QFII (một số công ty theo cơ chế QFII, có chi nhánh Hồng Kông được phép mở tài khoản bằng đồng nhân dân tệ đầu tư gián tiếp vào thị trường Trung Quốc).
2012	Tăng hạn ngạch đầu tư trong cơ chế QFII lên 80 tỷ USD.
2013	Mở rộng đối tượng các công ty được cấp phép R-QFII.

2. Thị trường chứng khoán Việt Nam: Quá trình, cơ hội và thách thức trong hội nhập

Sau gần 30 năm thực hiện cải cách, mở cửa, nền kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu vượt bậc, trong quá trình đó Đảng và Nhà nước luôn nhất quán mục tiêu hội nhập quốc tế đảm bảo phát triển nhanh và bền vững song hành với giữ vững độc lập, tự chủ, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Cùng với việc gia nhập WTO là sự tham gia tích cực của Việt Nam trong các tổ chức khu vực như ASEAN, APEC, tham gia đàm phán: Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP)... đã thực sự nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo ra những cơ hội lớn để đất nước sớm thoát khỏi tình trạng kém phát triển, tiến tới mục tiêu phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong khuôn khổ ASEAN, các hoạt động hội nhập liên quan đến lĩnh vực chứng khoán chủ yếu tập trung vào các sáng kiến nhằm tiến tới xây dựng một thị trường vốn hội nhập cao hơn trong ASEAN, cụ thể gồm các sáng kiến liên quan tới: Kết nối TTCK, tiếp cận TTCK, và tính thanh khoản của TTCK. Mục tiêu hướng tới trong hội nhập thị trường vốn của khối ASEAN là hài hòa hóa các quy định, chuẩn mực của các nước trong khu vực, ví dụ như: Hài hòa hóa chuẩn mực công bố thông tin, hài hòa hóa các quy định phân phối chứng khoán, chuẩn mực kế toán kiểm toán... và tiến tới hiện thực hóa các sáng kiến kết nối khu vực. Các cam kết với ASEAN trong lĩnh vực thị trường vốn chủ yếu về hợp tác phát triển thị trường vốn và không mang tính áp đặt yêu cầu về mở cửa thị trường. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, cam kết trong WTO là mức cam kết mở cửa thị trường dịch vụ tài chính cao nhất mà Việt Nam đã tham gia.

Sau gần 10 năm trở thành thành viên WTO, Việt Nam đã thực hiện đầy đủ và đúng lộ trình

cam kết trong lĩnh vực tài chính nói chung và lĩnh vực dịch vụ chứng khoán nói riêng. Khung pháp lý về TTCK dần được hoàn thiện theo chuẩn mực chung và phù hợp với đặc thù của nền kinh tế như Luật Chứng khoán 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực từ ngày 1/7/2011, Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán. Ngoài ra, Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5/12/2012 hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ (CTQLQ) đã có những hướng dẫn khá chi tiết đối với nhà đầu tư nước ngoài tham gia lĩnh vực cung cấp dịch vụ quản lý quỹ trên TTCK Việt Nam. Theo đó, nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần, phần vốn góp để sở hữu tới 49% vốn điều lệ của CTQLQ đang hoạt động tại Việt Nam và được phép mua để sở hữu 100% vốn điều lệ của CTQLQ đang hoạt động, hoặc được thành lập mới CTQLQ 100% vốn nước ngoài nếu thỏa mãn các điều kiện đã được quy định tại Nghị định 58/2012/NĐ-CP. Bên cạnh đó, việc đơn giản hóa thủ tục đầu tư cho nhà ĐTNN theo Thông tư số 213/2012/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 6/12/2012 sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia TTCK, đồng thời góp phần tăng tính cạnh tranh và minh bạch cho TTCK Việt Nam. Ngày 29/6/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định 60 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, trong đó, có những điều chỉnh về tỷ lệ “mở room” cho nhà đầu tư nước ngoài. Có thể thấy, hệ thống các văn bản hướng dẫn luật được ban hành và dần hoàn thiện đã và đang thể hiện sự nghiêm túc trong triển khai thực thi cam kết WTO của Việt Nam, quán triệt nguyên tắc giám sát và quản lý thị trường, minh bạch hóa và bảo vệ nhà đầu tư.

Ủy ban Chứng khoán nhà nước (UBCKNN) - với tư cách là Cơ quan quản lý chuyên ngành về chứng khoán và thị trường chứng khoán đã triển khai có hiệu quả các hoạt động hợp tác song phương, đa phương, khu vực và quốc tế nhằm tăng cường vai trò quản lý cũng như tìm kiếm các kênh hỗ trợ để thúc đẩy thị trường chứng khoán ngày càng hoàn thiện và phát triển theo chuẩn quốc tế. Đồng thời, UBCKNN rất chú trọng nghiên cứu, xây dựng chương trình, giải pháp để nâng hạng TTCK Việt Nam trên bảng phân hạng MSCI (từ hạng Frontier Market - Thị trường Cận biên lên Emerging Market - Thị trường mới nổi để có thể huy động vốn từ thị trường toàn cầu). Thành tựu quan trọng mà TTCK Việt Nam đạt được kể từ khi tham gia WTO chính là sự gia tăng đáng kể của dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài; sự có mặt của các nhà đầu tư nước ngoài, các quỹ đầu tư chứng khoán, các tập đoàn tài chính lớn sẽ góp phần chuyên nghiệp hóa TTCK Việt Nam, từ đó tăng cường kinh nghiệm và nâng cao tiêu chuẩn về quản trị công ty, khả năng phân tích, đầu tư cho các doanh nghiệp trong nước. Tính đến hết tháng 12/2014, tổng giá trị danh mục đầu tư gián tiếp nước ngoài trên TTCK đạt 13,5 tỷ USD.

Sự hội nhập của TTCK là tất yếu, chính vì vậy, việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế, trên cơ sở nhìn nhận cơ hội và thách thức sẽ là điều rất quan trọng để xác định các giải pháp cho sự hội nhập của TTCK Việt Nam, đạt mục tiêu đề ra. Theo đánh giá nhóm nghiên cứu, những cơ hội từ quá trình hội nhập có thể kể đến như sau: *Thứ nhất*, sự tham gia của các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài có năng lực tài chính, và trình độ quản lý, kỹ thuật kinh doanh hiện đại tạo cơ hội cho các tổ chức dịch vụ trong nước tiếp thu kinh nghiệm, nâng cao năng lực, trình độ và chuyển giao công nghệ. Việc cho phép thành lập các công ty chứng khoán, công ty

quản lý quỹ 100% vốn nước ngoài sẽ có tác động tích cực nhất định đến TTCK Việt Nam; giúp tăng cường thu hút vốn ĐTNN, đặc biệt là đầu tư gián tiếp thông qua các quỹ đầu tư và tăng tính cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ trong và ngoài nước: *Thứ hai*, việc thực hiện các cam kết WTO giúp TTCK được tiếp cận với chuẩn mực quốc tế; quy mô và phạm vi không gian thị trường được mở rộng; sự lưu chuyển của các luồng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài qua TTCK được kiểm soát; nhà đầu tư trong nước được tiếp cận với các dịch vụ tốt hơn và các sản phẩm đa dạng hơn; hệ thống trung gian thị trường phát triển; Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của TTCK cũng dần đồng bộ và hoàn thiện để phù hợp với thông lệ quốc tế. *Tuy nhiên*, song hành cùng với cơ hội, sẽ là những thách thức mà TTCK sẽ gặp phải như: Cam kết gia nhập WTO về dịch vụ đối với các sản phẩm phái sinh và công cụ chuyển nhượng trên TTCK đặt ra nhiều khó khăn trong hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cấu trúc thị trường và tăng cường năng lực cho cán bộ quản lý... Đồng thời, khi mở cửa thị trường tài chính theo cam kết WTO, các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ trong nước sẽ phải chịu áp lực cạnh tranh gay gắt với các công ty chứng khoán nước ngoài vốn có ưu thế về kinh nghiệm, kỹ năng quản trị, chuyên môn, nhân lực...

3. Hàm ý chính sách cho Việt Nam

Có thể thấy, tại Trung Quốc, quá trình thực hiện cam kết trong lĩnh vực tài chính giai đoạn quá độ 2001 - 2004 được thực hiện một cách thận trọng với những sửa đổi liên quan đến quy định chung và những quy định cụ thể với đối tượng là nhà cung cấp dịch vụ chứng khoán/quỹ nước ngoài. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, một số tiêu chí (vốn tối thiểu, quy mô dịch vụ cung cấp) còn chưa tuân thủ theo đúng những cam kết đưa ra. Giai đoạn sau thời kỳ quá độ,

Trung Quốc đã đưa ra những điều chỉnh quan trọng trong chiến lược tự do hóa thị trường chứng khoán, và có những bước tiến mạnh mẽ hơn trong việc mở cửa thị trường này thông qua hình thức nới rộng trần vốn của các nhà đầu tư nước ngoài vào các công ty niêm yết trong nước (theo cơ chế QFII), cho phép công ty nước ngoài mở tài khoản nhân dân tệ ở Hồng Kông để nhà đầu tư tham gia vào thị trường chứng khoán niêm yết Trung Quốc.

Trong thời gian sắp tới, TTCK Việt Nam sẽ tiếp tục chuyển từ giai đoạn phát triển theo chiều rộng sang giai đoạn phát triển theo chiều sâu, từng bước khẳng định vai trò là kênh huy động vốn trung và dài hạn của nền kinh tế. Việc tận dụng và khai thác một cách hiệu quả lợi ích của quá trình hội nhập quốc tế, thông qua việc phát triển và mở rộng các mối quan hệ với các đối tác, tổ chức quốc tế, các cơ quan quản lý nước ngoài nhằm thu hút nguồn tài trợ, hỗ trợ, tư vấn của các thị trường tài chính hiện đại, mang tính quốc tế hóa cao sẽ hỗ trợ thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng hoàn thiện, từng bước tiếp cận với các chuẩn mực chung và thông lệ quốc tế. Và việc ban hành Nghị định số 60/2015/NĐ-CP với những quy định cụ thể về “nới room” cho NĐTNN là bước đi tích cực của TTCK Việt Nam trong hội nhập.

Tuy nhiên, quyết định “nới room” có liên quan đến nhiều vấn đề pháp lý khác, đơn cử như liên quan đến Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn (đang soạn thảo) về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; ngành, nghề đầu tư kinh

doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh. Tuy Luật Đầu tư đã quy định danh mục 267 ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, nhưng kết quả rà soát sơ bộ cho thấy còn tới 128 ngành nghề chưa quy định điều kiện đầu tư đối với NĐTNN; 21 ngành nghề chưa có quy định cả về điều kiện kinh doanh chung và điều kiện đầu tư với NĐTNN... Một khi những vấn đề này chưa sớm được giải quyết, thì chưa dễ minh định ranh giới chi tiết cho việc xác định tỷ lệ nới room đối với nhiều ngành, lĩnh vực cụ thể áp dụng đối với NĐT nước ngoài. Thực tế trên cho thấy, để quy định “nới room” sớm đi vào cuộc sống, đòi hỏi quyết tâm và nỗ lực cao của các cấp quản lý, thì mới phát huy tối đa hiệu ứng tích cực của Nghị định 60/2015/NĐ-CP trên thực tế.

Đồng thời, cần đơn giản hoá các thủ tục mở tài khoản, giao dịch cho NĐTNN như: Chuẩn hoá thủ tục, quy trình mở tài khoản giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài trên trang mạng của UBCKNN, trong đó chấp nhận các tài liệu bằng tiếng Anh; yêu cầu bắt buộc các công ty niêm yết công bố báo cáo thường niên và các báo cáo tài chính định kỳ bằng tiếng Anh. Ngoài ra, hai SGDCK cần hoàn thiện thể chế và hạ tầng công nghệ theo hướng xây dựng thống nhất một sở giao dịch với hệ thống giao dịch hiện đại, giảm thiểu chi phí kết nối, chi phí giao dịch; đồng thời, cần cấu trúc lại cơ sở hàng hóa, điều kiện niêm yết theo hướng chia tách các bảng giao dịch với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch và giám sát tuân thủ hậu niêm yết chặt chẽ♦